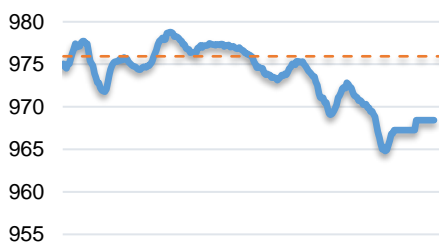


Diễn biến thị trường trong phiên

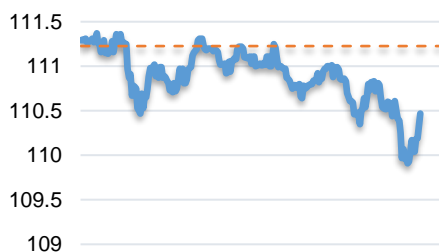
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	968.44	110.47	50.97
% ngày	(0.77)	(0.68)	(1.12)
% tuần	(2.69)	(1.58)	(0.59)
% tháng	0.92	3.98	0.68
% năm	22.23	5.83	(6.35)
<b>GTGD (Tỷ đồng)</b>			
Trong ngày	3,629.85	833.86	161.83
Hôm qua	4,079.45	598.16	255.92
TB 1 tháng	3,604.10	615.47	218.57
<b>Khối ngoại (Tỷ đồng)</b>			
Mua	337.85	48.74	18.97
Bán	567.31	16.74	15.51
Giá trị ròng	(229.46)	32.00	3.46
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	94	57	65
Mã Giảm	188	73	79
Không Đổi	71	254	590
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	17.5x	10.4x	9.7x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,117	199	850
LS Cổ tức	2.01	2.47	4.02

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

**VNINDEX**



**HNX INDEX**



**DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG**

Thị trường lớn toàn cầu chìm trong sắc đỏ do lo ngại về căng thẳng thương mại Mỹ - Trung đang khởi động trở lại, tâm lý nhà đầu tư trong và ngoài nước có sự thận trọng nhất định trong những phiên giao dịch gần đây. Trong đó, chỉ số VN-Index chịu ảnh hưởng tương đối khi cuối phiên chỉ số giảm 0.77% và dừng lại ở mức 968.4 điểm, còn chỉ số HNX-Index cũng giảm 0.7% xuống mức 110.47 điểm.

Đà giảm thị trường thu hẹp trong phiên chiều với sự hỗ trợ bởi những cổ phiếu lớn như VJC, VHM, BID, CTG, KDC, ROS, SSI, VND... Các cổ phiếu dệt may cũng hút dòng tiền vào khá tốt như TNG, TCM, GMC... tăng điểm từ đầu đến cuối phiên. Thanh khoản thị trường trong phiên được cải thiện phần nào khi tổng giá trị giao dịch lên đến hơn 5,000 tỷ đồng.

Hàng loạt cổ phiếu vốn hóa lớn như BVH, FPT, PNJ, NVL, VCS, VNM, VPB, VRE... đồng loạt giảm sâu và đẩy các chỉ số thị trường lùi mạnh xuống dưới mốc tham chiếu. Bên cạnh đó, nhóm cổ phiếu dầu khí bao gồm GAS, PVS, PVD, PVC, PVB... đều giảm rất sâu.

Các nhà đầu tư ngoại chuyển hướng sang bán ròng mạnh các cổ phiếu trên sàn HSX với tổng giá trị bán ròng lên đến gần 230 tỷ đồng. Trong khối lượng bán ròng đó thì chiếm tỷ trọng cao nhất là VNM với tổng giá trị bán ra hơn 142 tỷ đồng, tiếp theo là NVL 35 tỷ và GEX 30 tỷ đồng. Chốt cuối phiên thì tổng lượng bán ròng trên toàn thị trường là 194 tỷ đồng.

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG**

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ xuất hiện các nhịp hồi phục kỹ thuật và dòng tiền sẽ có sự phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu trong vài phiên tới. Đồng thời, nhiều cổ phiếu cũng đã rơi vào trạng thái bị quá bán ngắn hạn và thị trường có thể sẽ bước vào giai đoạn tích lũy, nghĩa là chỉ số có thể sẽ biến động hẹp và mức độ phân hóa sẽ rõ nét hơn giữa các nhóm cổ phiếu. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu giảm mạnh cho thấy các nhà đầu tư ngắn hạn đang cơ cấu lại danh mục.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi hạ mức xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index từ TĂNG xuống GIẢM và duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index với mức chốt lỗ ở mức 109.93 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể cơ cấu lại danh mục và hạ tỷ trọng các cổ phiếu về mức khuyến nghị. Đồng thời, chiến lược đầu tư ngược với các quỹ ETF cũng có thể cân nhắc trong giai đoạn hiện tại.

**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 54% cổ phiếu/46% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



NOTES

## Chỉ số PMI tháng 8/2018 tăng chậm hơn so với cùng kỳ và số lượng đơn đặt hàng tăng kỷ lục

Báo cáo của Nikkei vừa công bố cho biết chỉ số Nhà quản trị Mua hàng (PMI) toàn phần lĩnh vực sản xuất Việt Nam đạt 53,7 điểm trong tháng 8. Điều này cho thấy các điều kiện kinh doanh tiếp tục được cải thiện. Tuy vậy, con số này lại giảm so với mức 54,9 điểm của tháng 7.

### PMI Ngành Sản xuất Việt Nam của Nikkei



Nguồn: Nikkei, IHS Markit

- **Số lượng đơn đặt hàng mới:** trong tháng 8 có mức tăng mạnh trong việc tiếp nhận nhiều đơn đặt hàng mới tại các công ty sản xuất tại Việt Nam. Tuy tốc độ tăng có giảm nhưng vẫn có thể nhận ra về nhu cầu của khách hàng vẫn đang dần cải thiện. Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới cũng tiếp tục tăng trong tháng. Lượng công việc tồn đọng đã giảm nhẹ trong ba tháng liên tiếp.
- **Sản lượng:** ngành sản xuất trong tháng 8 tuy có sự cải thiện tốt về số lượng đơn đặt hàng tuy nhiên về sản lượng vẫn có mức tăng đáng kể tuy nhiên không nhiều như những tháng trước.
- **Việc làm:** Kể từ thời điểm hơn hai năm qua thì việc làm đã tăng liên tục. Riêng trong tháng 8/2018, lượng công việc tồn đọng giảm nhẹ nên dẫn đến tốc độ tạo việc làm có tăng nhẹ nhưng yếu hơn rất nhiều so với những đợt tăng trước đặc biệt là đỉnh điểm tại tháng 6/2018.
- **Tồn kho:** Dự kiến tương lai các công ty sẽ tăng sản lượng nên lượng tồn kho hàng mua đã tăng 5 tháng liên tiếp và với tốc độ nhanh nhất kể từ tháng 2. Tồn kho hàng thành phẩm cũng tăng và đây là lần tăng thứ hai liên tiếp.
- **Giá Cả:** Ở những nơi có chi phí đầu vào tăng nên đã góp phần làm tăng giá cả đầu ra, nguyên nhân được cho là do giá nguyên vật liệu tăng và đồng Việt Nam giảm giá so với đồng đô la Mỹ.



We Create **Fortune**

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	112.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.60	TĂNG	GIẢM	17.15	17.16	2.62%			19.58		
ACB	37.60	TĂNG	GIẢM	35.60	37.46	5.62%			41.80		
ACV	81.00	GIẢM	GIẢM		86.47				95.72		
BFC	27.30	GIẢM	GIẢM		29.44				28.92		
BHN	81.00	GIẢM	GIẢM		86.79				104.52		
BID	33.10	TĂNG	TĂNG	25.80	32.31	28.29%		33.40	25.09	-0.90%	
BMP	56.80	TĂNG	GIẢM	56.20	53.85	1.07%			62.30		
BSR	16.80	GIẢM	GIẢM		18.13				19.99		
BVH	88.50	TĂNG	GIẢM	78.00	87.54	13.46%			91.06		
BWE	18.20	TĂNG	GIẢM	17.70	17.44	2.82%			19.20		
CEO	13.50	TĂNG	GIẢM	13.40	12.73	0.75%			14.91		
CHP	21.80	GIẢM	GIẢM		23.45			23.50	22.03	-6.25%	
CSM	14.30	TĂNG	TĂNG	14.25	13.73	0.35%		14.39	12.77	-0.63%	
CTD	164.00	TĂNG	TĂNG	149.50	159.17	9.70%		161.20	130.49	1.74%	
CTG	26.05	TĂNG	GIẢM	24.00	25.68	8.54%			28.07		
CTI	28.55	GIẢM	GIẢM	30.50	29.10	-4.59%	BÁN		33.12		
CVT	24.80	GIẢM	GIẢM		27.07				29.58		
DCM	10.05	TĂNG	GIẢM	10.16	10.00	-1.10%			10.69		
DGW	25.20	TĂNG	GIẢM	23.90	24.73	5.44%			26.51		
DHA	26.90	GIẢM	GIẢM		27.41				28.49		
DHC	39.00	GIẢM	GIẢM		40.34				43.99		
DHG	91.60	GIẢM	GIẢM		96.16			114.49	95.93	-16.21%	BÁN
DPG	51.00	TĂNG	TĂNG	40.90	49.16	24.69%		52.00	50.13	-1.92%	MUA
DPM	17.40	GIẢM	GIẢM		17.86				18.72		
DPR	36.85	TĂNG	GIẢM	37.50	36.08	-1.73%			39.04		
DQC	30.20	TĂNG	GIẢM	29.55	28.67	2.20%			31.92		
DRC	26.10	TĂNG	TĂNG	25.85	25.39	0.97%		24.30	21.27	7.41%	
DXG	26.95	GIẢM	GIẢM	23.75	27.11	14.16%	BÁN		29.38		
ELC	8.80	GIẢM	GIẢM		9.18				10.59		
FCN	15.50	GIẢM	TĂNG		17.09			17.70	13.88	-12.43%	
FIT	4.20	TĂNG	GIẢM	4.27	3.98	-1.64%			5.07		
FMC	24.70	TĂNG	TĂNG	21.20	23.28	16.51%		24.70	23.95	0.00%	MUA
FPT	43.30	TĂNG	GIẢM	42.90	43.22	0.93%			45.46		
GAS	100.10	TĂNG	GIẢM	101.50	98.03	-1.38%		103.00	101.12	-1.83%	MUA
GEX	27.60	GIẢM	TĂNG		30.39			30.10	25.97	-8.31%	
GIL	50.50	TĂNG	TĂNG	41.65	48.40	21.25%		34.90	42.03	44.70%	
GMD	26.65	TĂNG	GIẢM	25.40	25.54	4.92%			28.65		
GTN	10.35	GIẢM	TĂNG		11.65			11.20	9.83	-7.59%	

We Create Fortune

HAG	6.50	GIẢM	TĂNG		7.33			6.19	5.86	5.01%	
HAX	15.45	GIẢM	GIẢM		16.04				18.52		
HBC	22.45	TĂNG	GIẢM	22.95	22.04	-2.18%			27.24		
HDB	37.00	TĂNG	GIẢM	38.20	36.39	-3.14%			42.32		
HNG	17.90	TĂNG	TĂNG	16.70	16.43	7.19%		8.20	14.10	118.29%	
HPG	38.60	TĂNG	GIẢM	37.20	38.31	3.76%			42.50		
HSG	10.60	GIẢM	GIẢM		11.17				13.29		
HT1	12.45	TĂNG	GIẢM	11.75	12.36	5.96%			12.91		
HUT	5.10	GIẢM	GIẢM		5.48				6.72		
HVN	38.50	TĂNG	TĂNG	33.00	37.73	16.67%		39.20	30.48	-1.79%	
ITD	11.75	TĂNG	TĂNG	12.40	11.66	-5.24%		12.40	11.14	-5.24%	
KBC	11.80	GIẢM	GIẢM	12.10	11.96	-1.13%	BÁN		13.24		
KDH	31.35	TĂNG	GIẢM	30.30	30.34	3.47%			33.01		
KSB	32.10	TĂNG	GIẢM	30.95	28.94	3.72%			33.01		
LCG	9.28	TĂNG	GIẢM	9.46	9.05	-1.90%		9.39	9.33	-0.68%	MUA
LDG	14.25	TĂNG	GIẢM	15.00	13.91	-5.00%			15.06		
LIX	40.40	GIẢM	GIẢM		41.15				43.94		
LPB	9.20	GIẢM	GIẢM		9.81				11.99		
LSS	6.75	GIẢM	GIẢM		6.85				7.75		
MSN	93.00	TĂNG	TĂNG	79.10	91.20	17.57%		90.60	77.28	2.65%	
MWG	116.30	GIẢM	TĂNG	112.00	117.93	5.30%	BÁN	121.00	104.78	-3.88%	
NKG	12.95	GIẢM	GIẢM		13.91				16.72		
NLG	30.00	GIẢM	GIẢM	29.80	30.20	1.36%	BÁN		31.83		
NT2	26.30	GIẢM	GIẢM		27.01				28.69		
NTL	9.79	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-5.41%		10.45	8.94	-6.32%	
NTP	48.00	TĂNG	GIẢM	46.40	46.73	3.45%			51.08		
PAC	39.70	TĂNG	GIẢM	40.20	38.63	-1.24%			42.18		
PC1	24.85	GIẢM	GIẢM		26.45				29.19		
PDR	25.20	TĂNG	GIẢM	26.60	25.05	-5.26%			29.12		
PGC	14.30	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-0.35%			15.68		
PHR	24.95	TĂNG	TĂNG	21.90	24.46	13.93%		24.00	21.09	3.96%	
PLX	67.00	TĂNG	TĂNG	60.50	64.83	10.74%		68.00	54.57	-1.47%	
PNJ	97.50	GIẢM	TĂNG	90.30	99.11	9.76%	BÁN	103.90	83.29	-6.16%	
POW	13.70	TĂNG	GIẢM	13.00	13.31	5.38%		14.10	13.91	-1.32%	MUA
PPC	18.10	TĂNG	GIẢM	18.50	17.71	-2.16%			19.21		
PTB	58.30	TĂNG	TĂNG	60.00	57.49	-2.83%		64.00	53.16	-8.91%	
PVD	14.40	TĂNG	TĂNG	15.75	14.35	-8.57%		16.35	11.75	-11.93%	
PVI	29.40	TĂNG	GIẢM	29.90	28.43	-1.67%			33.54		
PVS	21.00	TĂNG	TĂNG	17.00	19.73	23.53%		20.90	14.67	0.48%	
PXS	5.88	GIẢM	TĂNG		6.15			6.19	4.57	-5.01%	
RAL	88.80	TĂNG	GIẢM	91.00	83.88	-2.42%			102.96		
REE	34.80	TĂNG	TĂNG	36.40	34.76	-4.40%		36.40	30.73	-4.40%	
SAB	222.90	TĂNG	GIẢM	208.00	216.31	7.16%			233.02		



We Create Fortune

SAM	7.22	TĂNG	GIẢM	7.16	6.91	0.84%			7.59		
SBV	24.50	GIẢM	GIẢM		26.68				29.26		
SCR	8.95	GIẢM	GIẢM	9.35	9.05	-3.22%	BÁN		10.30		
SHI	6.15	GIẢM	TĂNG		6.31			6.99	5.88	-12.02%	
SJS	18.95	GIẢM	GIẢM		20.12				21.87		
SKG	21.60	GIẢM	TĂNG		23.37			23.10	19.32	-6.49%	
SSI	30.90	TĂNG	GIẢM	29.55	30.13	4.57%			34.19		
STB	11.10	TĂNG	GIẢM	11.20	11.04	-0.89%			12.71		
SVC	44.05	GIẢM	GIẢM		46.14				49.74		
TCB	25.80	GIẢM	TĂNG	28.50	25.99	-8.81%	BÁN	18.40	4.60	40.22%	
TCM	23.10	TĂNG	TĂNG	17.80	20.94	29.78%		21.60	17.43	6.94%	
TDH	11.35	TĂNG	GIẢM	11.70	11.14	-2.99%			12.95		
TLH	7.10	GIẢM	GIẢM		7.57				8.20		
TMT	7.14	GIẢM	GIẢM		7.45				7.28		
TNG	12.40	TĂNG	TĂNG	10.80	11.49	14.81%			11.90		
TYA	10.30	GIẢM	GIẢM		10.81				12.27		
VCB	60.60	TĂNG	GIẢM	57.50	60.49	5.39%			64.41		
VFG	37.00	GIẢM	TĂNG		38.63			34.39	33.47	7.58%	
VGC	18.40	TĂNG	GIẢM	17.90	17.58	2.79%			21.13		
VHM	106.00	GIẢM	N/A		111.11						
VIB	26.10	GIẢM	GIẢM		28.75				30.67		
VIC	101.50	GIẢM	TĂNG		106.22			111.50	92.44	-8.97%	
VIP	6.87	GIẢM	GIẢM		7.10				7.29		
VJC	149.50	GIẢM	GIẢM		156.26			156.00	154.12	-1.21%	MUA
VNM	125.50	GIẢM	GIẢM		132.85				175.10		
VPB	25.35	GIẢM	GIẢM		26.68				31.64		
VRC	23.50	TĂNG	TĂNG	17.75	22.55	32.39%		19.35	19.13	21.45%	
VRE	36.80	GIẢM	GIẢM		40.44				44.98		
VSC	41.15	TĂNG	TĂNG	35.50	39.30	15.92%		35.30	33.83	16.57%	
VSH	17.30	GIẢM	TĂNG		17.61			17.40	16.64	-0.57%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TP HCM (HSX)		
	Điểm	Chg%
VNI	968.44	(0.77)
VN30	941.00	(1.07)
VN Mid	1,008.62	(0.68)
VN Small	808.86	(0.43)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	337.85	
Bán	567.31	
GT rỗng	(229.46)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
THI	2,800	7.0%
TTF	260	7.0%
BCG	360	6.7%
ANV	1,100	6.5%
TCM	900	4.1%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CTI	(1,850)	-6.1%
NVT	(350)	-5.3%
SJF	(1,100)	-4.7%
PVD	(700)	-4.6%
QCG	(350)	-4.1%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	323,950	
VHM	284,039	
VNM	218,551	
VCB	218,025	
GAS	191,586	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
FLC	11.29	15.84
HAG	7.71	10.61
CTG	6.68	6.10
OGC	5.03	2.35
SBT	4.86	3.23

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)		
	Điểm	Chg%
HNI	110.47	(0.68)
HN30	199.91	(0.92)
VNX AllSh	1,359.52	(0.94)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	48.74	
Bán	16.74	
GT rỗng	32.00	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
AMV	1,700	7.2%
TNG	200	1.6%
NDN	200	1.5%
NVB	100	1.2%
L14	600	1.2%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PVS	(800)	-3.7%
HUT	(100)	-1.9%
VCS	(1,600)	-1.8%
VCG	(300)	-1.7%
VC3	(300)	-1.6%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	40,777	
VCS	14,320	
SHB	9,986	
PVS	9,381	
VGC	8,250	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
PVS	8.46	7.01
SHB	6.72	6.70
ACB	4.81	4.70
VGC	3.44	1.51
KLF	1.78	2.98

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%
UPCoM	50.97	(1.12)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	18.97	
Bán	15.51	
GT rỗng	3.46	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VGT	100	1.1%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VIB	(700)	-2.6%
BSR	(400)	-2.3%
MPC	(800)	-2.1%
QNS	(600)	-1.5%
OIL	(200)	-1.4%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	176,347	
MCH	53,979	
BSR	52,088	
HVN	48,109	
POW	32,084	

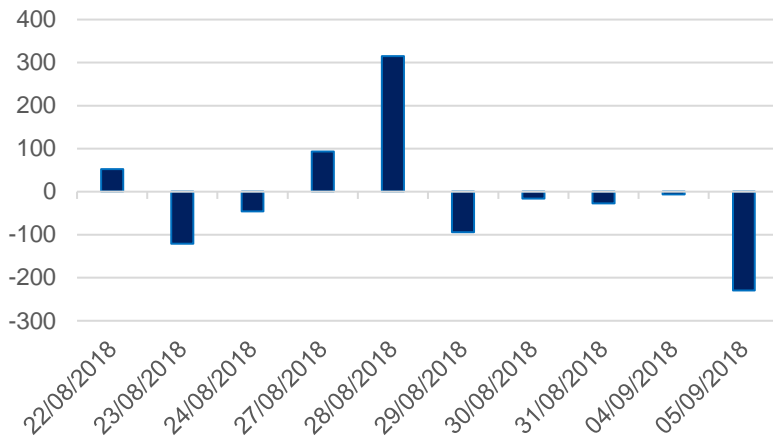
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
POW	1.46	1.38
LPB	1.21	1.83
BSR	1.09	1.84
HVN	0.76	0.88
VGT	0.74	0.49

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

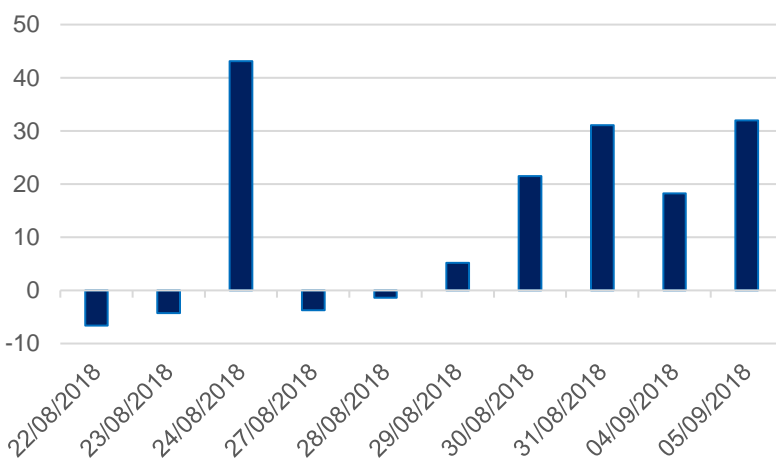
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
DHC	12,643	VNM	(142,472)
E1VFN30	9,535	NVL	(35,121)
VIC	9,170	GEX	(29,981)
YEG	8,353	SSI	(14,763)
CTD	6,212	BID	(13,597)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

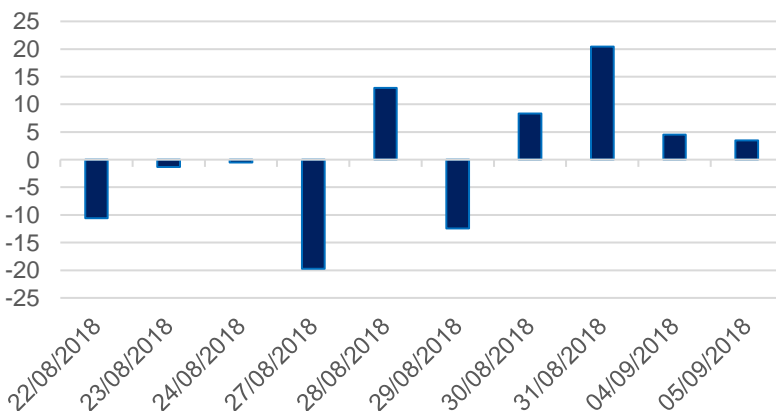
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VGC	35,387	NDN	(6,167)
PVS	3,523	TNG	(2,668)
CEO	2,478	TIG	(1,888)
DBC	1,325	VCS	(296)
SHB	299	S55	(232)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VEA	4,245	VGT	(2,209)
POW	2,965	MPC	(1,210)
LPB	651	OIL	(712)
KDF	246	LTG	(563)
BWS	171	ACV	(311)

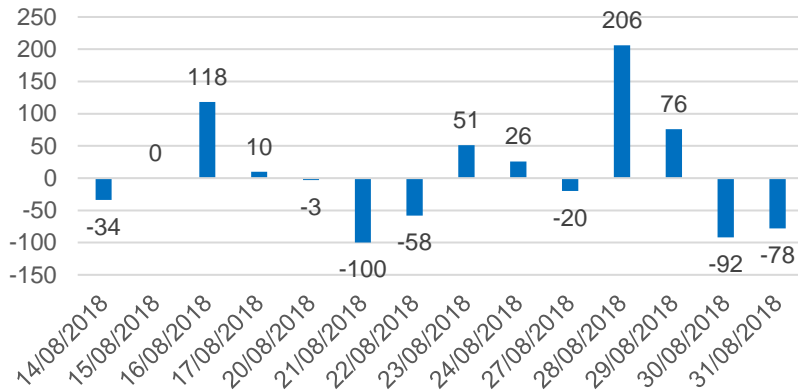
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

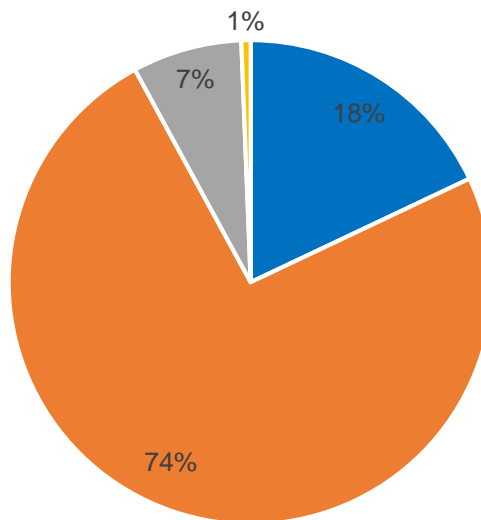


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
<b>VPB</b>	7,645	<b>VNE</b>	24,096
<b>VIC</b>	5,523	<b>E1VFN30</b>	21,065
<b>DXG</b>	3,319	<b>VIC</b>	6,189
<b>VHM</b>	2,243	<b>VHM</b>	4,954
<b>VJC</b>	1,299	<b>MBB</b>	4,105

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



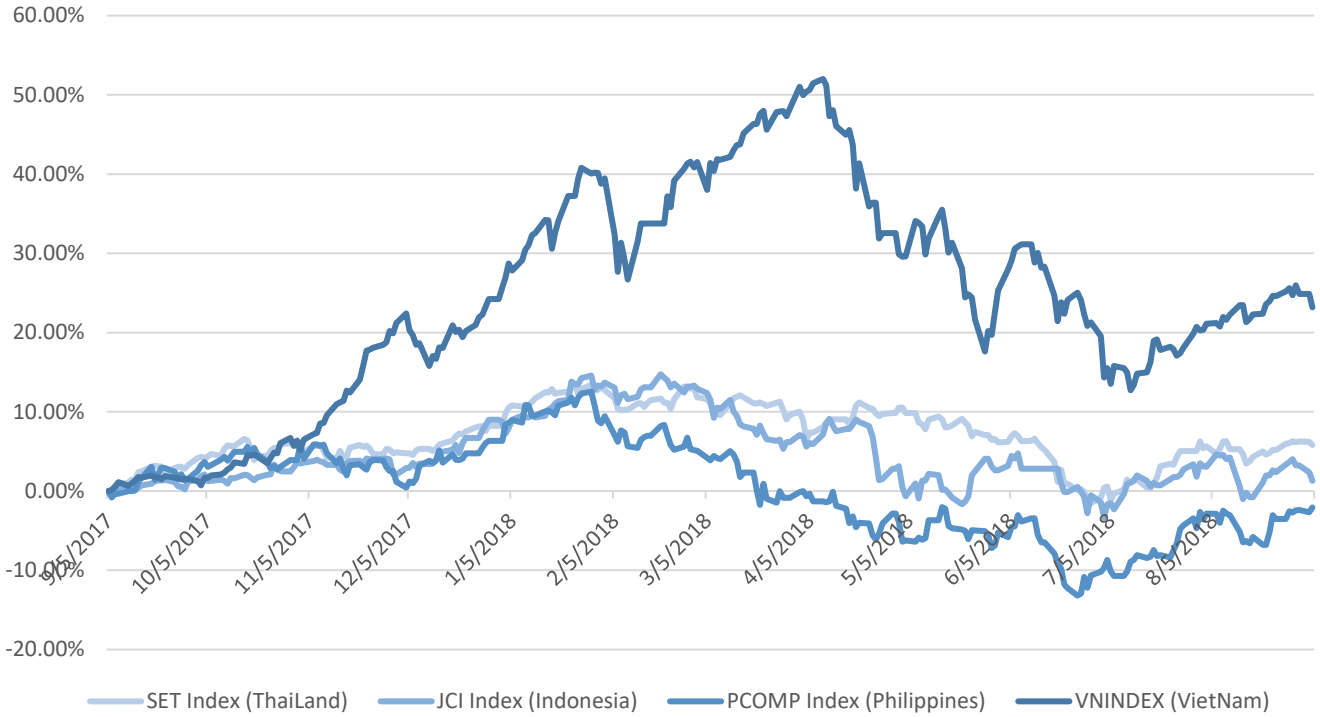
■ Tổ chức nước ngoài ■ Cá nhân trong nước ■ Tổ chức trong nước ■ Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

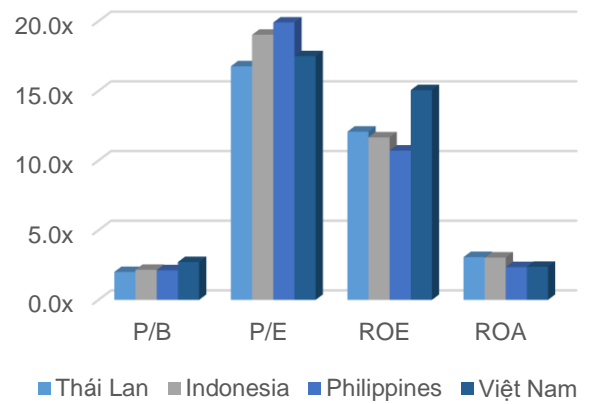
## Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.2x	2.1x	2.7x
P/E		16.8x	19.0x	19.9x	17.5x
ROE	%	12.07	11.66	10.72	15.05
ROA	%	3.08	3.04	2.36	2.37
Vốn hóa	Tỷ USD	526.40	447.36	184.47	133.70
GTGD	Triệu USD	1.21	0.29	0.07	0.16
LS cổ tức	%	3.12	2.40	1.52	2.01

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written